

Số: /GPMT-UBND Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 606/TTr-SNNMT ngày 14/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH ILKWANG Vina, địa chỉ tại Nhà xưởng 01B, lô J4-1, KCN Đại Đồng-Hoàn Sơn, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án Nhà máy ILKWANG Vina” tại một phần nhà xưởng Nhà xưởng 01B, lô J4-1, KCN Đại Đồng-Hoàn Sơn, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án Nhà máy ILKWANG Vina.

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần nhà xưởng 01B, lô J4-1, KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Đại Phát).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 2300886865

do Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh, đăng ký lần đầu ngày 22/04/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/02/2026.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4311236334, chứng nhận lần đầu ngày 22/4/2015, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 29/01/2026 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp.

1.4. Mã số thuế: 2300886865.

1.5. Loại hình sản xuất

Sản xuất linh kiện điện tử khác, chi tiết:

- Sản xuất, gia công linh kiện cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác như: đai ốc, ghim, vít, khớp nối, trục truyền động.

- Sản xuất các loại nam châm dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

1.6.1. Phạm vi

- Diện tích của dự án: 781 m².

- Nhóm dự án: Dự án thuộc nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*). Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III (*số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

1.6.2. Quy mô, công suất của dự án

- Sản xuất, gia công linh kiện cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác như: đai ốc, ghim, vít, khớp nối, trục truyền động với quy mô 36 tấn sản phẩm/năm.

- Sản xuất các loại nam châm dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác với quy mô 1.000.000 sản phẩm/năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất của dự án

- Quy trình sản xuất, gia công linh kiện cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác như: đai ốc, ghim, vít, khớp nối, trục truyền động:

Tiếp nhận nguyên liệu → Tiện gia công → Làm sạch → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói → Lưu kho.

- Quy trình sản xuất các loại nam châm dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác:

Tiếp nhận nguyên liệu → Phân loại → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg): Không

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH ILKWANG Vina có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (Mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Dự án Nhà máy ILKWANG Vina” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 365/QĐ-SNNMT ngày 13/02/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Dự án Nhà máy ILKWANG Vina”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH ILKWANG Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT;
Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của đơn vị cho thuê nhà xưởng (theo biên bản thỏa thuận xử lý nước thải sinh hoạt giữa Công ty TNHH ILKWANG Vina và Công ty Cổ phần Đại Phát ngày 01/01/2026) để xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn của KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, sau đó được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn để tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường; dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch và quá trình mài được thu gom vào thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 15 m³/ngày đêm của Công ty Cổ phần Đại Phát (đơn vị cho thuê nhà xưởng) theo biên bản thỏa thuận xử lý nước thải sinh hoạt ngày 01/01/2026 giữa Công ty TNHH ILKWANG Vina và Công ty Cổ phần Đại Phát để xử lý đạt tiêu chuẩn của KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm sạch và quá trình mài được thu gom vào thùng chứa và chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

- Phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom nước thải, nước mưa.

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn bể tự hoại và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 11 của Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn.

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí xả thải sau xử lý được thải ra môi trường.

- Dòng khí thải số 01 (OK1): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch, công suất 5.000 m³/giờ (xử lý khí thải Nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải X=2335094; Y= 394222.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰, múi chiều 3⁰).

Vị trí xả khí thải của dự án tại Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Dòng khí thải xả liên tục 24/24 giờ trong quá trình sản xuất.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Metylbromua (CH ₃ Br)	mg/Nm ³	≤ 70		
4	Metylclorua (CH ₃ Cl)	mg/Nm ³	≤ 120		
5	Diclometan (CH ₂ Cl)	mg/Nm ³	≤ 200		
6	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC)	mg/Nm ³	≤ 120		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ khu vực làm sạch được thu gom bằng 01 chụp hút kích thước Dài x Rộng x Cao = 500 x 400 x 350mm. Sau đó, dòng khí thải thông qua đường ống dẫn khí kích thước $\varnothing 250\text{mm}$, dài 3m đưa về tháp hấp phụ rồi thải ra ngoài tiếp nhận qua 01 ống thải (OK1) dưới tác dụng của quạt hút ly tâm công suất 5.000 m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- 01 Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch (OK1) có công suất 5.000 m³/giờ. Thực hiện xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 01.

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống thoát khí → Môi trường.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Quan trắc, giám sát chất lượng khí thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo tần suất để kịp thời tìm nguyên nhân và khắc phục hệ thống xử lý khí thải khi hệ thống gặp sự cố.

- Khuyến khích bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, đảm bảo hệ thống xử lý bụi, khí thải hoạt động ổn định.

- Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình thiết kế.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải của dự án.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Công ty dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản. Khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 5/2026 đến tháng 8/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực làm sạch (OK1) có công suất 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau các hệ thống xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của chủ dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải; lập nhật ký vận hành công trình xử lý.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh số 01: Khu vực máy tiện.
- Nguồn phát sinh số 02: Khu vực máy mài.
- Nguồn phát sinh số 03: Khu vực máy đánh bóng.
- Nguồn phát sinh số 04: Khu vực máy ly tâm.
- Nguồn phát sinh số 05: Khu vực máy cắt kim loại.
- Nguồn phát sinh số 06: Khu vực hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn phát sinh số 07: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn phát sinh số 08: Khu vực phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*) từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 6h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*khu vực D - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*) từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ban ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có tiếng ồn, độ rung thấp.
- Lắp đặt các thiết bị chống ồn, rung ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Ngăn cách nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực nhà xưởng và khu vực văn phòng được bố trí riêng biệt.
- Bộ phận bảo dưỡng lập kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.
- Chủ dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như nút bịt tai, miếng che tai... cho người lao động trực tiếp phải chịu tiếng ồn.
- Bố trí hợp lý thời gian làm việc ở các phân xưởng có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn. Hạn chế người lao động tiếp xúc với tiếng ồn, độ rung trong thời gian dài.
- Định kỳ kiểm tra sức khỏe định kỳ người lao động, đặc biệt là yếu tố thính lực.
- Tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân.
- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:
 - + Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.
 - + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.
 - + Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.
 - + Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên là 3.170 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến tổng số lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh là 2.520 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng số lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 11.232 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Dự kiến tổng số lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh là 3.812 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH.

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 6,5m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho

- Diện tích kho chứa: 6,5m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Không bố trí kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH ILKWANG Vina có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố chất thải trong quá trình hoạt động của dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thu gom nước thải tại dự án để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Ninh trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số

08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.